

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 04 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2022 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Quách Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Vào tháng 01/1992, bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau giữa vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông N không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2014 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- *Về con chung*: Có 03 người tên là Nguyễn Thị L (giới tính nữ) sinh ngày 23/6/1993, Nguyễn Thị C (giới tính nữ) sinh ngày 20/6/1997 và Nguyễn Minh K (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2006. Hiện tại Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống; đối với Nguyễn Minh Khiên đang do ông Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà đồng ý giao Nguyễn Minh Kho cho ông N tiếp tục nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà có nợ khoản nợ Ngân hàng X, phòng giao dịch huyện Phú Tân số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) khoản vay từ khi vay đến nay chưa đóng lãi. Do bà không có yêu cầu về tài sản nên bà yêu cầu ông N trả số tiền này cho Ngân hàng, trường hợp ông N không trả số tiền này thì bà yêu cầu chia khoản nợ này theo quy định của pháp luật, yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ và đồng thời yêu cầu chia tài sản chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/4/2022, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Về mâu thuẫn thì không đúng như bà T trình bày tuy nhiên về thời gian không còn chung sống với nhau thì bà T trình bày là đúng với thực tế. Nay ông vẫn còn tình thương đối với bà T nên ông không đồng ý ly hôn mà muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

- *Về con chung*: Đúng là có 03 người như bà T trình bày, hiện 02 người con là Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Minh Khiên đang do ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông đồng ý tiếp tục nuôi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông đồng ý trả thay cho bà Quách Thị T phần tiền gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Quách Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Quách Thị T và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào 01/1992 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà N có thẩm quyền. Bà Quách Thị T xác định quá trình chung sống cùng nhau thì vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Bà và ông N không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2014 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng nên bà Quách Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Ông Nguyễn Văn N cho rằng ông vẫn còn tình thương đối với bà T nên ông không đồng ý ly hôn mà muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên ông không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà Quách Thị T và ông Nguyễn Văn N không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Quá trình hòa giải, cả hai người thống nhất có 03 người tên là Nguyễn Thị L (giới tính nữ) sinh ngày 23/6/1993, Nguyễn Thị C (giới tính nữ) sinh ngày 20/6/1997 và Nguyễn Minh K (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2006. Hiện Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Minh Khiện đang do ông Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của Nguyễn Minh K là muốn sống cùng cha là ông Nguyễn Văn N, điều này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời phù hợp với thỏa thuận của bà T và ông N. Cụ thể, bà Quách Thị T giao Nguyễn Minh K cho ông Nguyễn Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N về việc không yêu cầu bà Quách Thị T cấp dưỡng nuôi con. Bà Quách Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Quách Thị T và ông Nguyễn Văn N thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Quách Thị T nợ Ngân hàng X, phòng giao dịch huyện Phú Tân số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) khoản vay từ khi vay đến

nay chưa đóng lãi. Do bà không có yêu cầu về tài sản nên bà yêu cầu ông N trả số tiền này cho Ngân hàng. Ông Nguyễn Văn N đồng ý trả thay cho bà Quách Thị T phần tiền gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại. Do các bên và Ngân hàng chưa phát sinh tranh chấp đối với khoản nợ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp phát sinh được quyền khởi kiện vụ án khác theo thủ tục chung.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Quách Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Quách Thị T và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau: Giao Nguyễn Minh K(giới tính nam) sinh ngày 25/5/2006 cho ông Nguyễn Văn N chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Nguyễn Minh K đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Bà Quách Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N về việc không yêu cầu bà Quách Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Quách Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Quách Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Quách Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017722, ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước